

2009 年硕士研究生入学考试初试  
广西民族大学自命题科目试题

(试卷代号: A 卷)

科目代码: \_\_\_\_\_ 824 \_\_\_\_\_

科目名称: \_\_\_\_\_ 基础越南语 \_\_\_\_\_

适用学科专业: \_\_\_\_\_ 亚非语言文学 \_\_\_\_\_

研究方向: \_\_\_\_\_

命题教师签名: \_\_\_\_\_

考生须知

1. 答案必须写在答题纸上, 写在试题册上无效。
2. 答题时一律使用蓝、黑色墨水笔作答, 用其它笔答题不给分。
3. 交卷时, 请配合监考人员验收, 并请监考人员在准考证相应位置签字 (作为考生交卷的凭证)。否则, 产生的一切后果由考生自负。

**I. Hãy viết ra tất cả chữ cái cơ bản của tiếng Việt.( Mỗi chữ cái 0.5 điểm )(共 14.5 分)**

**II. Hãy dịch các từ tiếng Việt ra tiếng Hán, và dịch các từ tiếng Hán ra tiếng Việt.  
( Mỗi từ 0.5 điểm )(共 20 分)**

- |                     |                      |
|---------------------|----------------------|
| 1.mái chèo          | 2.mảnh khảnh         |
| 3.sát               | 4.ruồi               |
| 5.tung búng         | 6.thành đồng         |
| 7.cắt nghĩa         | 8.lúa chiêm          |
| 9.hỗn xược          | 10.xuyên tạc         |
| 11.bại liệt         | 12.cây đa            |
| 13.chia bìu sè ngọt | 14.củ sắn            |
| 15.dao to búa lớn   | 16.mất cơ mất nghiệp |
| 17. đơm hoa kết lá  | 18.nước chảy đá mòn  |
| 19.sắc sảo          | 20.tốt tươi          |
| 21. 圆粽              | 22. 下巴, 颌            |
| 23. 粳米              | 24. 诞生               |
| 25. 纽扣              | 26. 砖瓦               |
| 27. 不理睬             | 28. 显示, 炫耀           |
| 29. 纷乱, 杂乱无章        | 30. 丑角               |
| 31. 吞吞吐吐            | 32. 纤维               |
| 33. 缺头缺尾            | 34. 第三产业, 服务行业       |
| 35. 风筝              | 36. 拖儿带女             |
| 37. 无中生有            | 38. 发票               |
| 39. 壮族              | 40. 公共汽车             |

**III. Hãy đặt câu với các từ hoặc theo nhu cầu sau đây. (Mỗi câu 2 điểm)(共 20 分)**

- 1.thành thử
- 2.bao nhiêu ... bấy nhiêu
- 3.mà (chỉ mục đích)
- 4.không những...mà còn
- 5.nói riêng...nói chung
- 6.nói đến...nhớ ngay
- 7.từng...một

8.thà...chứ không

9. đặt câu với kiểu câu: Chủ ngữ + Vị ngữ(động từ① + kiêm ngữ + động từ② + bổ ngữ )

10. đặt câu với kiểu câu: Chủ ngữ + Vị ngữ(động từ① + bổ ngữ① + động từ② + bổ ngữ②)

**IV. Hãy cho biết sự giống nhau và khác nhau của các từ“mênh mông, bạt ngàn, bát ngát,bao la”. (10 điểm)**

**V. Hãy dịch các câu sau đây ra tiếng Việt. (15 điểm)**

1. 中越和越中友谊得到了胡志明和毛泽东主席的精心培育,有着牢固的基础。我们高兴的看到,自两国关系正常化至今,越中关系在政治、经济、文化等各方面都得到了恢复并迅速地发展。中越两国领导人于 1999 年春高层会晤时就确定了“睦邻友好、全面合作、长期稳定、面向未来”的战略方针。(5 điểm)

2. 胡锦涛表示,中方愿就伊重建问题与各方保持沟通和协调。关于朝鲜半岛核问题,胡锦涛希望以各方都能接受的方式实现无核化,中方将继续推动第二轮北京六方会谈早日举行并取得积极成果。胡锦涛赞赏布什最近重申坚持一个中国政策、遵守中美三个联合公报、反对“台独”,反对台湾当局旨在改变台湾地位的言行。(6 điểm)

3. 现代生物技术为人类解决了粮食、药品和环境等问题开辟了一条新的途径,已广泛应用于农业、医药、林业、水产、食品、环保等行业和领域。近 20 年来,世界现代生物技术发展迅猛,在研究、开发和生产上取得了一系列突破性进展。(4 điểm)

**VI. Hãy dịch các câu sau đây ra tiếng Hán.(15 điểm)**

1.Chức năng chủ yếu của tiểu ban là tiến hành nghiên cứu chuyên đề theo “Tuyên ngôn nhân quyền thế giới”, đưa ra kiến nghị với uỷ ban nhân quyền về các vấn đề như: chống phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào có liên quan đến nhân quyền và tự do cơ bản, và bảo vệ những người ít số về chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ, đồng thời tiếp nhận công việc khác do Hội đồng Kinh tế Xã hội (理事会) hoặc Uỷ ban Nhân quyền giao cho. (5 điểm)

2.Hãy dịch một đoạn văn của bài hát *Việt Nam Trung Quốc* ra tiếng Hán (5 điểm)

Việt Nam Trung Quốc

Việt Nam Trung Hoa núi liền núi sông liền sông,

Chung một biển Đông môi tình hữu nghị sáng như rạng đông.

Bên sông tám cùng một dòng, tôi nhìn sang đây, anh nhìn sang đây!

Sớm sớm chung nghe tiếng gà gáy cùng.

A á!

Chung một ý chung một lòng! đường ta đi hồng mầu cờ cách mạng.

A á!

Nhân dân ta ca muôn năm!

Hồ Chí Minh - Mao Trạch Đông

3. Trong hợp tác kinh tế Đông Á, Trung Quốc với vai trò là nền kinh tế phát triển nhanh, liên tục, ổn định và là thị trường khổng lồ, dưới sự tác động của nhu cầu trong và mâu dịch đối ngoại, đã phát huy vai trò độc đáo trong việc tạo cơ hội phát triển kinh tế thương mại cho các nước xung quanh. (5 điểm)

### VII. Hãy thêm dấu cho đoạn văn sau đây cho chính xác. (15.5 điểm)

Dua theo tác phẩm Kim Van Kieu Truyện của tác gia Trung Quốc là Thanh Tam Tai Nhân, Nguyễn Du đã sáng tác nên Truyện Kiều. Như Nguyễn Du đã viết trong lời mở đầu tác phẩm, cảm hứng sáng tác của nhà thơ xuất phát từ hiện thực cuộc sống, từ số phận đau thương của người phụ nữ. Vì lẽ đó, Nguyễn Du đặt tên cho tác phẩm là Đoạn Trường Tân Thanh. Truyện Kiều là tên gọi thông thường của tác phẩm. Truyện Kiều không những là tác phẩm hay nhất Việt Nam của Nguyễn Du mà còn là tác phẩm lớn nhất trong nền văn học cổ điển Việt Nam nói chung. Sức hấp dẫn mạnh mẽ của Truyện Kiều bắt nguồn từ sự thống nhất giữa nội dung tác phẩm với ngôn ngữ nghệ thuật đạt đến trình độ mẫu mực của thơ ca cổ điển. Giá trị nổi bật nhất của Truyện Kiều là ở khía cạnh nghệ thuật. Không có tác phẩm nào khác trong lịch sử văn học Việt Nam có thể sánh được với Truyện Kiều. Ngôn ngữ của Nguyễn Du bao giờ cũng điêu luyện, thanh tĩnh. Câu chuyện được kết cấu một cách khéo léo, không có đoạn nào thừa. Nhịp điệu câu thơ lúc dồn dập, lúc khoan thai, lúc nồng cháy thiết tha, lúc ngậm ngùi sầu lắng, song lúc nào cũng phù hợp với tâm trạng của nhân vật.

### VIII. Hãy hoàn chỉnh đoạn văn sau đây. (10 điểm)

Trời đã sáng, \_\_\_\_\_ công làng vẫn chưa mở. Trâu bò và \_\_\_\_\_ cày碌 tục ra đồng \_\_\_\_\_ ùn lại. Lý trưởng và tuần đinh làng Đông Xá canh gác bắt người thiếu thuế. \_\_\_\_\_ năm hôm nay bọn chức việc làng Đông Xá thu thuế. Lý trưởng và bọn chức việc đã \_\_\_\_\_ đình \_\_\_\_\_ lệnh cho tay sai đi bắt người thiếu thuế. Mồ thóc, trống giục, tù và inh ỏi... Gia đình chị Dậu là một gia đình cố nông nghèo khổ ở cuối làng. \_\_\_\_\_ Hai vợ chồng và ba đứa con quanh năm vất vả. Mấy tháng nay anh Dậu ốm. Cả nhà hồi hộp lo lắng vì chưa chạy được tiền \_\_\_\_\_ sưu. Giữa lúc đó thì \_\_\_\_\_ cai lệ, tuần đinh đến đòi thuế. Anh cố van xin khất đến hôm sau, nhưng bọn chúng không \_\_\_\_\_, đã đánh đập và trói anh lại rồi điệu ra đình.

### IX. Hãy viết một bài văn bằng tiếng Việt với nhan đề "Mẹ tôi" (30 điểm)

要求：内容包括 1. 母亲的勤劳和善良。2. 母亲对自己成长的影响和帮助。3. 内容健康向上。  
4. 不得少于 500 字。